

Bản án số: **192/2019/KDTM-PT**

Ngày: 20/3/2019

V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Trương Thị Thảo**

2. Bà **Lưu Thị Đoàn Trang**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trịnh Kim Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Tuyền**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 141/2018/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 1922/2018/KDTM-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 485/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 06/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 430/2019/QĐPT-KDTM ngày 29 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 997/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng N

Trụ sở: Tờ 9, ấp C, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **H**, sinh năm 1981, địa chỉ: B607 Chung cư Trung tâm thương mại B, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền số 40/2018-UQ ngày 24/05/2018) (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng công trình V

Trụ sở: 1/19 T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng liên hệ: Phòng 501 Tòa nhà Cục quản lý đường bộ D, số 296 Đ, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông **P**, sinh năm 1982, chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

* Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn - Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng N và tại tòa, đại diện đơn nguyên trình bày:

Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng N (sau đây gọi là Công ty N) và Công ty Cổ phần Xây dựng công trình V (sau đây gọi là Công ty V) có thỏa thuận mua bán bê tông tươi theo Hợp đồng kinh tế số 20/HĐMB/2016 ký ngày 01/9/2016 và Phụ lục hợp đồng số 194/2016/PL/TGN ký ngày 07/11/2016. Theo đó, Công ty N sẽ sản xuất và vận chuyển bê tông trộn sẵn đến địa điểm công trường của Công ty V là "Dự án Nhà máy xử lý nước mặt Sông Hậu, KCN Nam Sông Hậu, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang". Tại Điều 3.2 của hợp đồng, Công ty V đặt cọc 200.000.000 đồng và có trách nhiệm thanh toán 70% giá trị các đợt đổ trong vòng 10 ngày sau giao hàng và 30% giá trị còn lại của các đợt đổ sau khi có kết quả thí nghiệm đạt chất lượng; hai bên có thỏa thuận lãi suất chậm trả trên số tiền còn thiếu là 0,067%/ngày, tương đương 2%/tháng. Thời gian đầu thực hiện hợp đồng, Công ty V đã thanh toán theo đúng hợp đồng cho Công ty N. Do đó, Công ty N tin tưởng, đã chia sẻ khó khăn với Công ty V vì tiến độ gấp của công trình nên tiếp tục cấp bê tông cho Công ty V vượt quá hạn mức dư nợ mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng. Căn cứ vào việc thực hiện hợp đồng, tổng khối lượng bê tông mà Công ty N cung cấp cho Công ty V là 2.898,3m³, có giá là 4.337.067.000 đồng; Công ty V đã lần lượt thanh toán cho Công ty N tổng cộng là 3.167.235.000 đồng, đã bao gồm tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng. Số tiền mà Công ty V còn thiếu Công ty N là 1.169.832.000 đồng nhưng đến nay Công ty V vẫn chưa thanh toán hết cho Công ty N mặc dù Công ty N đã yêu cầu thanh toán nhiều lần. Công ty N khởi kiện yêu cầu Công ty V thanh toán ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật số tiền hàng còn thiếu theo Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 20/HĐMB/2016 ngày 01/9/2016 là 1.169.832.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng là 2%/tháng tính từ ngày 10/7/2017 cho đến khi thanh toán xong.

* Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản khai và tại biên bản hoà giải ngày 23/7/2018, bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng công trình V có đại diện theo pháp luật là ông P trình bày: Công ty V có ký kết Hợp đồng kinh tế số 20/HĐMB/2016 ngày 01/9/2016 với Công ty N. Theo nội dung hợp đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất 0,067%/ngày, tương đương 2%/tháng, trên số tiền chậm thanh toán và ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán của Công ty V được căn cứ theo hợp đồng. Công ty V xác nhận còn nợ tiền hàng theo hợp đồng đã nêu đối với Công ty N là 1.169.832.000 đồng .

Bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng không đến tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung chứng cứ nào khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 1922/2018/KDTM-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24, Điều 25 và Điều 306 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng N.

1.1. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng N làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền hàng còn thiếu và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 20/HĐMB/2016 ngày 01/9/2016 và Phụ lục số 194/2016/PL/TGN ngày 07/11/2016 tổng cộng đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.484.906.752 đồng, trong đó tiền hàng còn thiếu 1.169.832.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận từ ngày 20/8/2017 là 315.074.752 đồng.

1.2. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình V còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền hàng còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 20/HĐMB/2016 ngày 01/9/2016 là 2%/tháng tương ứng với thời gian chậm trả được tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2018.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình V phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.547.203 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm lẻ ba đồng).

2.2. Hoàn 26.782.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng N đã nộp theo Biên lai số 0004245 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 06/11/2018, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị số 485/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 06/11/2018.

Nội dung kháng nghị: Kháng nghị một phần bản án sơ thẩm cụ thể: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lãi do chậm thanh toán tiền mua hàng theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng là 2%/tháng tương đương 24%/năm là vượt quá mức lãi suất cho phép là không quá 20% /năm được quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại nội dung này của bản án

sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn với mức lãi suất là 20%/năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Giữ nguyên nội dung kháng nghị. Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về mức lãi suất chậm thanh toán. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Quyết định kháng nghị số 485/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 06/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh còn trong thời hạn luật định nên được xem xét trình tự phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn và nguyên đơn: Tòa án đã hiện thủ tục tổng hợp lệ cho bị đơn - Công ty V để tham gia phiên tòa phúc thẩm theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Về phía nguyên đơn – Công ty N thì có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau: Tại Điều 3.1 của Hợp đồng số 20/HĐMB/2016 về việc cung cấp bê tông trộn sẵn lập ngày 01/9/2016, Công ty N và Công ty V có thỏa thuận lãi suất chậm trả trên số tiền còn thiếu là 0,067%/ngày, tương đương 2%/tháng. Tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán thì tiền lãi chậm trả được tính theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Do Điều 306 không quy định cụ thể về thỏa thuận khác của các bên nên căn cứ vào khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định chung về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: “Lãi suất phát sinh do chậm nghĩa vụ trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự này” và tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì quy định các bên thỏa thuận không vượt quá mức lãi suất 20%/năm. Như vậy Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán khoản tiền lãi quá

hạn tính theo mức lãi suất 2%/tháng mà các bên thỏa thuận là không phù hợp. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 21/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi 20%/năm tương đương 1,666%/tháng là có cơ sở. Cụ thể:

$1.169.832.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} \times 1,666 \% / \text{tháng} = 258.012.947 \text{ đồng}.$

Như vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ chấp nhận khoản tiền lãi chậm thanh toán mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 258.012.947 đồng. Khoản tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu nhưng không được chấp nhận là 57.061.805 đồng.

Về nội dung các quyết định khác của bản án sơ thẩm thì do nguyên đơn và bị đơn đều không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên các nội dung quyết định này của bản án sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí là 2.853.090 đồng tính trên số tiền yêu cầu tranh chấp là 57.061.805 đồng. nhưng không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 54.836.548 đồng tính trên nghĩa vụ về số tiền phải trả cho nguyên đơn là 1.427.884.947 đồng.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm không thuộc trường hợp phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 11, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng công trình V đòi cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng N trả số tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng là 57.061.805 đồng.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực cụ thể:

2.1. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng N số tiền hàng còn thiếu theo Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 20/HĐMB/2016 ngày 01/9/2016 và Phụ lục số 5

194/2016/PL/TGN ngày 07/11/2016 cụ thể: Tiền mua hàng 1.169.832.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 258.012.947 đồng.

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Xây dựng công trình V còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án phát sinh trên số tiền hàng còn thiếu theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 20/HĐMB/2016 ngày 01/9/2016 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật được hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình V phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 54.836.548 đồng.

3.2. Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng N phải chịu là 2.853.090 nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 26.782.000 đồng theo Biên lai số 0004245 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền là 23.928.000 đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- TAND Quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Thủy

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thảo Lưu Thị Đoan Trang

Hà Thanh Thủy